

Bản án số: 68/2024/HS-PT

Ngày: 24/6/2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Yến.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Bằng và ông Nguyễn Minh Tân

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu- Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 74/2024/TLPT-HS ngày 03 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo Vũ Duy T và đồng phạm, do có kháng cáo của bị cáo, đại diện bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2024/HS-ST ngày 02/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Bị cáo có kháng cáo:

Vũ Duy T, sinh năm 1971 tại Hải Dương; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn P, xã H, thành phố C, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ Vũ Thế T1, mẹ đẻ Trần Thị B (đã chết); Vợ là Nguyễn Thị T2 (đã ly hôn); **Có 02 con, lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2005**; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:** Nguyễn Thị H (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại có kháng cáo:

+ Bà Phạm Thị P- sinh năm 1958. (là mẹ đẻ bị hại).

+ Anh Nguyễn Hoàng A- sinh năm 2001. (là con bị hại).

Đầu địa chỉ: KDC số A- P, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương. (có mặt)

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Văn V- sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

Vụ án còn có 2 bị cáo là Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn D không kháng cáo; Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Sáng ngày 31/01/2023, Nguyễn Văn D (không có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn để lái tàu BG-0418) điều khiển tàu mang số hiệu BG-0418, kiểu YC6T480C, T8811G90005, công suất máy chính 480CV là phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần 997 tấn (tàu của ông Nguyễn Văn V- sinh năm 1970 trú tại thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang- là bố của D) trên tàu chở 360m³ cát tự nhiên từ Hà Nội đi trên sông T để về B, thôn T, xã M, huyện L, tỉnh B. Khi đi đến khu vực cầu P thuộc địa phận KDC số 12- T, phường P, thành phố C lúc đó khoảng 13 giờ, D giao tàu cho Nguyễn Văn T3 là máy trưởng của tàu điều khiển (D biết T3 không có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn để lái tàu BG-0418). Đến khoảng 13 giờ 50 phút cùng ngày, T3 điều khiển tàu đi vào khu vực ngã ba sông là nơi luồng giao nhau giữa sông T cửa rộng 239m, sông C cửa rộng 178m và sông T cửa rộng 377m theo hướng từ cầu P đi Bắc Giang, bờ bên phải là cảng thủy nội địa của Nhà máy N. Tại vị trí có tọa độ (21,1176179B; 106,2976079Đ), cách cầu P 400m, cách bờ sông thuộc phường P, thành phố C 30m có 01 phao chỉ dẫn giới hạn luồng tàu chạy màu xanh nổi trên mặt sông; Tại vị trí có tọa độ (21,1158730B; 106,2958185Đ), cách cầu P 170m, cách bờ sông thuộc địa phận huyện Q, tỉnh Bắc Ninh 20m có 01 phao chỉ dẫn giới hạn luồng tàu chạy màu đỏ nổi trên mặt sông. Mật độ phương tiện giao thông trên sông thưa thớt. T3 quan sát phía trước, cách mũi tàu khoảng 70m có 01 thuyền xi măng đang cào hén do Vũ Duy T điều khiển, trên thuyền có chị Nguyễn Thị H- sinh năm 1981 ở KDC số A- P, phường P đi hướng từ Bắc Giang- cầu P đang ngồi ở phía đuôi thuyền để nhặt hén. Vũ Duy T không có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn để điều khiển phương tiện này. Đây là thuyền do Vũ Duy T thuê người đóng, không làm thủ tục đăng ký, đăng kiểm, chiều dài thuyền 10,5m, phần rộng nhất của thuyền là 2,4m, thành thuyền được làm bằng xi măng cốt thép với 03 khoang, khoang giữa là khoang máy (nhãn hiệu Changfa, công suất 30CV) còn khoang mũi và đuôi để đồ, bên trên các khoang được lợp mái tôn màu xanh, hàn các thanh sắt để quây kín, hai đầu khoang có cửa ra vào; phần lái thuyền được đặt ở đuôi thuyền; bộ phận cào hén gồm 01 máng cào làm bằng kim loại hình chữ A rộng 01m, chiều cao từ đỉnh chữ A xuống đáy 01m, 01 túi đựng hén làm bằng dây cước màu xanh, dây cáp có màu đen gắn tại đỉnh chữ A.

Khoảng 14 giờ cùng ngày Vũ Duy T quan sát thấy tàu do Nguyễn Văn T3 điều khiển đi hướng ngược chiều trong khu vực luồng giao nhau nhưng T3 và T đều không giảm tốc độ để có thể xử lý các tình huống tránh va, gây mất an toàn cho các phương tiện khác, không phát tín hiệu (còi) nhiều lần, không đi sát về luồng đã báo mà vẫn điều khiển tàu, thuyền của mình tiến về phía trước (cách nhau về chiều ngang khoảng 15m). Lúc này do thuyền xi măng của T điều khiển bị mắc bộ phận cào hén vào vật thể không xác định được dưới đáy sông dẫn đến thuyền xi măng bị văng lật, di chuyển lệch sang bên trái ngay phía trước mũi tàu

BG-0418 dẫn đến phân trách và quây mũi tàu bên trái đã va vào phần mạn phải phía đuôi thuyền xi măng làm thuyền và chị H bị chìm xuống sông tại vị trí tọa độ 21,1222785⁰B, 106,2996906⁰Đ, cách cảng thủy nội địa của Nhà máy N về hướng Đ 189m, cách bờ sông thuộc địa phận huyện Q, tỉnh Bắc Ninh về hướng Tây 222m, cách bờ sông thuộc địa phận huyện Y, tỉnh Bắc Giang về hướng Bắc 220m, hai phương tiện bị hư hỏng. Vũ Duy T nhảy ra khỏi thuyền xi măng và được người dân hỗ trợ đưa lên bờ, T3 điều khiển tàu BG-0418 neo đậu tại cảng than P thuộc bờ sông huyện Q, tỉnh Bắc Ninh, còn thi thể chị H đến 15 giờ mới tìm thấy và đưa lên bờ. Tại kết luận giám định pháp y về tử thi nguyên nhân chết của chị H là do bị ngạt nước.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 58/KLĐG ngày 22/11/2023 của Hội đồng định giá thành phố C kết luận: Tại thời điểm ngày 31/01/2023 tiền thay thế và công tháo lắp sửa chữa thuyền xi măng cao hén của Vũ Duy T là 39.500.000đ; tiền công sơn, gò, hàn của tàu BG-0418 là 800.000đ.

Cơ quan điều tra sau khi khám xét phương tiện đã trả lại tàu BG-0418 cho ông Nguyễn Văn V, trả lại thuyền xi măng cho Vũ Duy T.

Đối với 360m² cát tự nhiên làm vật liệu xây dựng do D mua để bán lại nhưng không có nguồn gốc hợp pháp đã bị tịch thu theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 37/QĐ-XPHC ngày 30/01/2024 của Công an thành phố C.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn T3 cùng tự nguyện bồi thường cho đại diện bị hại Nguyễn Thị H số tiền 250.000.000đ; Vũ Duy T tự nguyện bồi thường cho đại diện bị hại Nguyễn Thị H số tiền 10.000.000đ. Đại diện gia đình bị hại H đã nhận đủ số tiền bồi thường và không có yêu cầu bồi thường gì khác. Đối với thiệt hại của tàu BG-0418 ông V không yêu cầu gì. Đối với chi phí trực vớt và thiệt hại của thuyền xi măng Vũ Duy T tự chi trả và khắc phục không yêu cầu gì.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 32/2024/HS-ST ngày 02/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh căn cứ điểm a khoản 2 Điều 272; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Vũ Duy T 37 tháng tù giam về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy”. Bản án còn tuyên xử phạt bị cáo bị cáo Nguyễn Văn T3 36 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 60 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 02/4/2024; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 03 tháng tù giam; ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Vũ Duy T, đại diện bị hại bà Phạm Thị P và anh Nguyễn Hoàng A đều kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo T được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo, đại diện bị hại giữ nguyên nội dung kháng cáo; bị cáo xuất trình biên lai nộp tiền án phí sơ thẩm, quyết định về điều chỉnh mức trợ cấp người bị nhiễm chất độc hóa học cho ông Nguyễn Thế T4 là bố bị cáo; Huy chương chiến sĩ giải phóng của ông T4; xác nhận của UBND xã H về việc bị cáo ủng hộ quỹ

an ninh xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét điều kiện hoàn cảnh gia đình; bị cáo và bị hại được gia đình tổ chức lễ cưới sống chung như vợ chồng nhiều năm nhưng do hiểu biết hạn chế nên chưa đăng ký kết hôn; hiện nay bị cáo là trụ cột trong gia đình trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng mẹ và con đẻ của bị hại là bà P và cháu Hoàng A; chấp nhận kháng cáo giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh tham gia phiên tòa sau khi phân tích các tình tiết trong vụ án xác định cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo T về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy” theo điểm a khoản 2 Điều 272 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét kháng cáo của bị cáo, đại diện bị hại: Cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo tự nguyện nộp án phí sơ thẩm, xuất trình quyết định về điều chỉnh mức trợ cấp người bị nhiễm chất độc hóa học cho ông Nguyễn Thế T4 là bố bị cáo; Huy chương chiến sĩ giải phóng của ông T4; xác nhận của UBND xã H về việc bị cáo ủng hộ quỹ an ninh xã hội nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo, đại diện bị hại; Sửa án sơ thẩm: xử phạt bị cáo T 36 tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo; Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm Hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo Vũ Duy T, đại diện bị hại trong thời hạn luật định, là kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo Vũ Duy T và kháng cáo của đại diện bị hại:

[2.1]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại cấp sơ thẩm; phù hợp với lời khai của đại diện bị hại, lời khai của những người làm chứng; phù hợp với Kết luận giám định pháp y; vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ ngày 31/01/2023, tại vị trí giao nhau giữa ba sông T, sông C và sông T có tọa độ 21,1222785⁰B, 106,2996906⁰Đ, cách cảng thủy nội địa của Nhà máy N về hướng Đ 189m, cách bờ sông thuộc địa phận huyện Q, tỉnh Bắc Ninh về hướng Tây 222m, cách bờ sông thuộc địa phận huyện Y, tỉnh Bắc Giang về hướng Bắc 220m. Vũ Duy T không có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn để lái thuyền xi măng tự chế không được đăng ký đăng kiểm đi theo hướng từ cửa sông T5 (Bắc Giang đi cầu Phả Lại) và Nguyễn Văn T3 cũng không có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn theo quy định điều khiển tàu vỏ sắt mang số hiệu BG-0418 đi từ cửa sông T6 (cầu P đi Bắc Giang) do Nguyễn Văn D biết rõ T3 không có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn theo quy định mà vẫn giao tàu

cho T3 điều khiển dẫn đến phân trách và quây mũi tàu bên trái tàu vỏ sắt mang số hiệu BG-0418 đã va vào phần mạn phải phía đuôi thuyền xi măng làm thuyền và chị H bị chìm xuống sông và chết ngạt, hai phương tiện bị hư hỏng. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Vũ Duy T về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy” theo điểm a khoản 2 Điều 272 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo, bị hại không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị về tội danh.

[2.2]. Đối với kháng cáo của bị cáo và đại diện bị hại đề nghị giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tại bản án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội; tự nguyện bồi thường cho bị hại; đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét nguyên nhân dẫn đến tai nạn trên, cả bị cáo T3 và bị cáo T đều có lỗi. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới; tự nguyện nộp án phí sơ thẩm; xuất trình tình tiết giảm nhẹ mới là quyết định về điều chỉnh mức trợ cấp người bị nhiễm chất độc hóa học cho ông Nguyễn Thế T4 là bố bị cáo; Huy chương chiến sĩ giải phóng của ông T4; xác nhận của UBND xã H về việc bị cáo ủng hộ quỹ an ninh xã hội nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo và đại diện bị hại đều nghị HĐXX xem xét điều kiện hoàn cảnh gia đình; bị cáo và bị hại được gia đình tổ chức lễ cưới sống chung như vợ chồng nhiều năm nhưng do hiểu biết hạn chế nên chưa đăng ký kết hôn; hiện nay bị cáo là trụ cột trong gia đình, trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng mẹ và con đẻ của bị hại là bà P và cháu Hoàng A. Do vậy, HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị cáo, đại diện bị hại giảm một phần hình phạt, cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo, đại diện bị hại được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Duy T và kháng cáo của đại diện bị hại bà Phạm Thị P và anh Nguyễn Hoàng A.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 32/2024/HS-ST ngày 02/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh về phần hình phạt của bị cáo Vũ Duy T.

2. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 272; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Duy T 36 (Ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo về tội “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy*”; thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 24/6/2024).

Giao bị cáo Vũ Duy T cho Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

3. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 24/6/2024.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV-CA tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- TAND thành phố Chí Linh (2 bản);
- VKSND thành phố Chí Linh;
- CQCSĐT - CA thành phố Chí Linh;
- CQTHAHS - CA tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- Bị cáo;
- Đại diện bị hại;
- Lưu hồ sơ, lưu Tòa .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Yến